

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2021

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn.

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST- HNGĐ ngày 15/4/2021 về “ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX - ST ngày 13/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị K**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: tổ 11, ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị K và anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2007 tại UBND xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B xã Q. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống sâu sắc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 5/2015, chị K đã vào tỉnh Bình Dương sinh sống, vợ chồng ly thân đó đến nay. Nay chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh H nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị K và anh H có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 28/6/2008 và Nguyễn Mai L sinh ngày 06/02/2013, hiện nay đang ở cùng anh H. Ly hôn chị K có nguyện vọng để anh H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung vì hiện nay chị đang làm công nhân ở Bình Dương chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị K không đề nghị Tòa án giải quyết, vợ chồng chị không vay nợ chung.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2021, bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Bình vào năm 2007. Vợ chồng chung sống được 07 năm từ năm 2007 đến năm 2014 thì chị K tự ý bỏ về nhà bố mẹ để ở cùng thôn B sinh sống. Anh H có đến nhà bố mẹ chị K đề nghị chị K quay về chung sống cùng anh H nhưng chị K không đồng ý, sau đó chị K vào tỉnh Bình Dương sinh sống không liên lạc với anh H, không hỏi thăm và không gửi tiền về để anh H nuôi 02 con. Trong thời gian vợ chồng chung sống, chị K và anh H không tìm được tiếng nói chung, chị K sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho các con. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh C và Nguyễn Mai L đều do anh H nuôi dưỡng. Nay chị K xin ly hôn anh H đồng ý ly hôn, không níu kéo. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi 02 con. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo làm việc của Tòa án nhưng vì anh H đang làm công việc buôn

bán tạp hóa nên không có thời gian đến Tòa án làm việc, anh H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2021, Ủy ban nhân dân xã Quang Bình cung cấp:* Trước khi kết hôn với chị K thì anh H đã có vợ nhưng do vợ anh H ốm chết và sau đó ngày 06/10/2007 thì anh H kết hôn với chị K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, làm ăn buôn bán tại địa phương. Vợ chồng có cửa hàng tạp hóa do anh H làm chủ. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tuổi tác chênh lệch nhiều. Địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Chị K bỏ đi làm ăn xa, không chung sống cùng anh H từ nhiều năm nay. Vợ chồng có 02 con hiện nay đều do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị K xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vợ chồng chị K, anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị K được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 28/6/2008 và Nguyễn Mai L sinh ngày 06/02/2013. Anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị K có quyền thăm nom, chăm sóc 02 con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị K kết hôn với anh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Chị K và anh H đều khai trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2015 đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị K xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị K và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận xử cho chị K được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị K có nguyện vọng để anh H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Cả 02 con chung của chị K và anh H hiện đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị K, anh H và ý kiến của Viện kiểm sát: giao con chung Nguyễn Quỳnh C và Nguyễn Mai L cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con chung. Chị K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về mức cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị K góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung,: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H khai không có tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 28/6/2008 và Nguyễn Mai L sinh ngày 06/02/2013. Anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị K phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001404 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Vũ Thị K đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị K, anh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Quang Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

